

Số: 07/2020/QĐST-DS

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 10917 Bexley Dr Houston TX 77099, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L:

1. Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1977 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2015);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1961 (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2018);

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 144A1, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án (bao gồm toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn), cụ thể như sau:

1. Ông Lê Văn T đồng ý hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền 1.600.000.000 (Một tỉ sáu trăm triệu) đồng (bao gồm một phần chênh lệch trượt giá đất và phần giá trị đất lúc nhận chuyển nhượng phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 4.927,6m² thuộc các thửa 422, 177A và 179A, 179B, 179C, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 3, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (các thửa đất này do bà L mua và nhờ ông T đứng tên giữ, hiện nay ông T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 481297 ngày 14/5/2012 đối với thửa 179; số BE 501644 ngày 22/12/2011 đối với thửa 422; số BI 548555 ngày 13/3/2012 đối với thửa 177).

Thời hạn trả: Ngày 01/7/2020 ông T trả cho bà L 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Ngày 15/7/2020 ông T trả cho bà L 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng còn lại là xong.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Sau khi ông Lê Văn T hoàn trả xong số tiền 1.600.000.000 (Một tỉ sáu trăm triệu) đồng cho bà Lê Thị L, ông T được trọn quyền sử dụng các thửa đất và tài sản gắn liền các thửa đất nêu trên theo hồ sơ đo đạc ngày 08/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B (có họa đồ kèm theo).

3. Về chi phí thu thập chứng cứ: Nguyên đơn bà Lê Thị L tự nguyện chịu chi phí thu thập chứng cứ là 5.251.000 (Năm triệu hai trăm năm mươi một ngàn) đồng. Bà L đã nộp xong nên ghi nhận.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch :

4.1. Ông Lê Văn T nộp 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.229.500 (Mười ba triệu hai trăm hai mươi chín ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0009985 ngày 12/7/2016 của Cục Thi thành án dân sự tỉnh Bến Tre và 5.212.000 (Năm triệu hai trăm mười hai) đồng theo biên lai thu số 0008025 ngày 12/12/2017 của Cục Thi thành án dân sự tỉnh Bến Tre. Cục Thi thành án dân sự tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Lê Văn T số tiền là 3.441.500 (Ba triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn năm trăm) đồng.

4.2. Bà Lê Thị L nộp 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng theo biên lai thu số 0009939 ngày 28/3/2016 của Cục Thi thành án dân sự tỉnh Bến Tre. Cục Thi thành án dân sự tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Lê Thị L số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Ngọt